

CHI TIẾT NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
8	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP	2023	2026		2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000			58.596					
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP				1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000			100.000					
10	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	B	TP ĐBP					702.000	702.000			5.000					
11	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mặt trận tổ quốc tỉnh	B	TP ĐBP					790.000	790.000			5.000					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
	Tuyến đường từ nút giao cao tốc đi trung tâm TP. Điện Biên Phủ					L=3,0km; Bnen=32m đường trong đô thị		469.000									
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương																
I	Phân bổ dự phòng 10%											560.205					
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý																
1	Thành phố Điện Biên Phủ											160.381					
2	Huyện Điện Biên											195.169					
3	Huyện Tuần Giáo											188.004					
4	Huyện Điện Biên Đông											164.530					
5	Huyện Mường Ảng											123.759					
6	Huyện Mường Nhé											160.710					
7	Huyện Mường Chà											154.628					
8	Huyện Tủa Chùa											140.813					
9	Huyện Nậm Pồ											173.161					
10	Thị xã Mường Lay											51.398					
III	Ngân sách cấp tỉnh quản lý																
III.1	Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA, trả lãi vay, phí vay, bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ theo Nghị định của Chính phủ																
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên (JICA)						981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022					340.720					
2	Mở rộng mạng lưới thu gom, xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ vay vốn ODA Phần Lan											94.048					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	Hỗ trợ chi phí đền bù, GPMB dự án Dự án Xây dựng đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, giai đoạn											500.000					
4	Dự án tăng cường năng lực tự lực cho khu vực nông thôn thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng điện cho vùng khó khăn của Tỉnh Điện Biên (KOICA)											62.750					
5	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ hỗ trợ HTX											17.000					
III.2	Phân bổ theo các ngành, lĩnh vực																
(1)	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	C	Nậm Pồ	2024	2026	Cấp nước cho 432 người	1499/QĐ-UBND 14/9/2023	10.500	10.500	10.000	10.000	500					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Trận địa phòng không và các hạng mục bố trí của huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C					50/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	9.600	9.600	500	500	9.100					
2	Nhà ăn, nhà bếp dBBI/e741/Bộ CHQS tỉnh	C	X. Sam Múm h. Điện Biên t. Điện Biên	2026	2028	XD 1.150 m2 nhà, hạ tầng		14.900	14.900			14.900					
3	Cải tạo hang thành đường hầm sơ chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu huyện Tủa Chùa.	C	huyện Tủa Chùa	2026	2030	Cải tạo 2km hang động		25.000	25.000			25.000					
4	Hoàn thiện doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh. Hạng mục: Nhà ở, làm việc, hạng mục phụ trợ Chỉ huy; nhà khách; nhà trực ban tiếp dân, nhà xe và hạ tầng kỹ thuật	C	P. Mường Thanh TP. ĐBP t. Điện Biên	2026	2028	XD 1.650 m2 nhà; 500m2 nhà xe; 10.000m2 hạ tầng		40.000	40.000			40.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
5	Căn cứ chiến đấu thành phố Điện Biên Phủ	B	TP Điện Biên Phủ	2026	2030	XD hệ thống hạ tầng		50.000	50.000			50.000					
6	Xây dựng hàng rào bảo vệ và sửa chữa hệ thống đường cơ động tuyến CA, tuyến chính, đường thoát cửa A trong căn cứ chiến đấu của tỉnh (AD-05).	C	TP Điện Biên Phủ	2026	2027	XD 2km đường, hạ tầng		15.000	15.000			15.000					
7	Công trình trận địa hỏa lực và các hạng mục bố trí Cụm điểm tựa phòng ngự dBB1/eBB741.Bộ CHQS tỉnh tại xã Na U, huyện Điện Biên.	C	huyện Điện Biên	2026	2027	XD hệ thống hạ tầng		9.500	9.500			9.500					
8	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Điện Biên	C	TT. Pú Từu h. Điện Biên t. Điện Biên	2027	2029	SC 2.678 m2 nhà; hạ tầng, sân đường		12.000	12.000			12.000					
9	Cải tạo, nâng cấp doanh trại đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	C	t. Điện Biên	2027	2029	XD 260m2 nhà;SC 2.000 m2 nhà; 150m kè đá; hạ tầng kỹ thuật		20.600	20.600			20.600					
10	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Mường Ảng	C	TT. Mường Ảng h. Mường Ảng t. Điện Biên	2027	2030	SC 3.033 m2 nhà; hạ tầng		11.000	11.000			11.000					
11	Hoàn thiện doanh trại dBB1/e741/Bộ CHQS tỉnh. Hạng mục: Nhà ở đại đội trực SSCĐ và hạng mục phụ trợ dBB1/e741/Bộ CHQS tỉnh	C	X. Sam Múm h. Điện Biên t. Điện Biên	2027	2029	XD 2.450 m2 nhà; 500m kè BTCT; 300m kè đá; 500m2 hạ tầng sân đường		30.000	30.000			30.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh doanh trại Ban CHQS TX Mường Lay	C	P. Sông Đà TX. Mường Lay t. Điện Biên	2027	2030	XD 500m2 nhà; SC 3.025 m2 nhà; hạ tầng		18.000	18.000			200					
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Điện Biên Đông	C	TT. ĐBBĐ h. ĐBBĐ t. Điện Biên	2027	2030	XD 80 m2 nhà; SC 3.025 m2 nhà; hạ tầng		11.000	11.000			200					
3	Hoàn thiện Doanh trại Ban CHQS huyện Nậm Pồ theo thiết kế mẫu (giai đoạn 2)	C	X. Nậm Chua h. Nậm Pồ t. Điện Biên	2028	2030	XD 1.800 m2 nhà; SC 2.472m2 nhà; hạ tầng, tường rào		18.000	18.000			200					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Cải tạo, nâng cấp thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang thành phố	C	TP		2026	2030		15.000	15.000						
(2)	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên				62/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000			
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên Lào				63/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	14.950	14.950			14.950			
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				64/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000			
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên				65/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000			
	Trụ sở làm việc Công an xã Nà Nhạn thuộc thành phố Điện Biên Phủ, Công an xã Pú Hông thuộc huyện Điện Biên Đông và Công an các xã: Hẹ Muông, Sam Mứn thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	C	Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên				1591/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.402	6.000			6.000			
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Núa Ngam, Noong Hẹt, Noong Luống, Thanh An thuộc huyện Điện Biên và Công an xã Chiềng Sơ thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên và huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				1590/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Keo Lôm, Na Son, Noong U, Tia Đình, Xa Dung thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				1593/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Sá Tổng, Huổi Lèng, Hừa Ngải, Huổi Mí thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên				1597/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khăn thuộc huyện Nậm Pồ, Công an xã Chung Chải thuộc huyện Mường Nhé và Công an các xã: Sín Chải, Lao Xả Phình thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Nậm Pồ, huyện Mường Nhé và huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên				1592/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	7.500			7.500					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tả Phìn, Huổi Xó, Sính Phình, Trung Thu thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên				1589/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Rạng Đông, Nà Tông, Phình Sáng, Pú Nhung, Tênh Phông thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1596/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tỏa Tinh, Mường Khoang, Nà Sáy, Mường Mùn, Pú Xi thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1595/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Quài Cang, Quài Nua thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1594/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thị xã Mường Lay	C					1521/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	1.500	1.500			1.500					
	Đầu tư mua sắm trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Điện Biên	C					1520/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	6.650	6.650			6.650					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn còn lại thuộc Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an các xã, thị trấn							93.272	93.272			53.272			
*	Hỗ trợ xây các dự án xây dựng cơ sở vật chất Công an tỉnh quản lý (do Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư)														
1	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Trụ sở làm việc, tháp tập 5 tầng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH							7.000	7.000			7.000			
2	Xây dựng Trụ sở Công an phường Mường Thanh, Công an thành phố Điện Biên Phủ	C	P. Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên					5.000	5.000			5.000			
3	Xây dựng Trụ sở Công an phường Noong Bua, Công an thành phố Điện Biên Phủ	C	P. Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên					5.000	5.000			5.000			
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà đại đội Cảnh sát cơ động thành nhà làm việc PK02 thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					13.000	13.000			13.000			
5	Xây dựng Trụ sở làm việc phòng PC10 thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					20.000	20.000			10.000			
6	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Điện Biên Đông	C	Thị trấn Điện Biên Đông					4.000	4.000			4.000			
7	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn Tủa Chùa					4.000	4.000			4.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Mường Chà	C	Thị trấn Mường Chà					4.000	4.000			4.000			
9	Xây dựng bổ sung, cải tạo sửa chữa Cục ANTB (cũ) thành hệ thống kho vật tư kỹ thuật, quân trang, vũ khí, dự trữ quốc gia	C	Phường Thanh Trường					20.000	20.000			20.000			
10	Xây dựng trụ sở làm việc Đội ngoại tuyến thuộc Phòng PA06	C	Phường Thanh Bình					10.000	10.000			10.000			
11	Xây dựng mới trụ sở làm việc phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					44.500	44.500			22.250			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Dự án Nhà ở công vụ và nhà ở tiểu đội cảnh sát bảo vệ mục tiêu	B	TP. Điện Biên Phủ			Nhà công vụ diện tích sàn khoảng 200 m2; Nhà ở tiểu đoàn cảnh sát diện tích sàn khoảng 1.500 m2		70.000	70.000			20.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
*	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất công an tỉnh quản lý do Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư														
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh Điện Biên							40.000	40.000			500			
2	Xây dựng bổ sung khoa khám bệnh thuộc Bệnh viện 7-5							18.000	18.000			500			
3	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thuộc Công an các huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Giáo dục cộng đồng và Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH							55.000	55.000			500			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(3)	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP	2024	2026		77/QĐ-UBND 16/1/2024	50.000	50.000	15.000	15.000	35.000			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	C					974/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.950	12.450	500	500	11.950			
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang	C					975/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.900	12.400	400	400	12.000			
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh,thành phố Điện Biên Phủ	C					976/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	9.000	6.500	300	300	6.200			
4	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ	C					977/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	11.150	8.650	300	300	8.350			
5	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT TH số 2 xã Na Tông	C						14.900	11.900			11.900			
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Thanh Luông	C						14.900	11.900			11.900			
7	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Thanh Chấn	C						14.900	11.900			11.900			
8	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường TH&THCS xã Sam Mứn	C						14.900	11.900			11.900			
9	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non số 2 xã Na Tông, huyện Điện Biên	C						14.900	11.900			11.900			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10	Dự án: Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	C						14.900	11.900			11.900					
11	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Hừa Ngải	C						14.800	11.800			11.800					
12	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Na Sang	C						14.900	11.900			11.900					
13	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Hừa Ngải	C						14.800	11.800			11.800					
14	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Nà Bùng							14.800	11.800			11.800					
15	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT TH&THCS xã Nậm Khăn							14.900	11.900			11.900					
16	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS xã Phìn Hồ							14.700	11.700			11.700					
17	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Na Cô Sa							14.500	11.500			11.500					
18	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Tân Phong, xã Si Pa Phìn							14.900	11.900			11.900					
19	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Thanh Chấn, huyện Điện Biên	C	H. Điện Biên	2026	2030	Xây mới Nhà đa năng, nhà ở nội trú học sinh 15 phòng, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh cho học sinh bán trú; sửa chữa nhà ban giám hiệu, 32 phòng học và phòng học chức năng		14.800	14.800			14.800					
21	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT huyện Điện Biên	C	H. Điện Biên	2026	2030	Nhà đa năng, nhà vệ sinh; cải tạo, sửa chữa các nhà lớp học và hạng mục phụ trợ		14.800	14.800			14.800					

14

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
22	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT thành phố Điện Biên Phủ	C	TP. Điện Biên Phủ	2026	2030	Nhà lớp học 12 phòng + 04 phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, 06 phòng tổ chuyên môn, cải tạo, sửa chữa nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ.		14.900	14.900			14.900					
23	Trường THPT Phan Đình Giót	C	TP. Điện Biên Phủ	2026	2030	Xây mới: 04 phòng học; 06 phòng bộ môn; nhà ăn; nhà WC; Sửa chữa: Nhà đa năng + ban giám hiệu, nhà nội trú các hạng mục phụ trợ		14.500	14.500			14.500					
25	Trường THPT Thị xã Mường Lay	C	TX. Mường Lay	2028	2030	Xây mới: 06 phòng bộ môn, 12 phòng nội trú, 10 phòng công vụ, phòng tư vấn học đường, phòng tắm, phòng vệ sinh, gara xe, phòng quản lý học sinh, Hệ thống PCCC. Sửa chữa: 02 phòng bộ môn, nhà để xe, nhà nội trú,		14.900	14.900			14.900					
29	Cải tạo, sửa chữa nhà thực hành cho sinh viên Lào và ký túc xá cho học sinh Lào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C	TP ĐBP			01 nhà thực hành 2 tầng và 01 nhà KTX 3 tầng 24 phòng ở nội trú khép kín		12.000	12.000			12.000					
30	Trường TH xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	C	Xã Mường Pồn			Xây mới 10 phòng học và 8 phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900					
31	Trường TH xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Luông					14.900	14.900			14.900					
32	Trường THCS xã Thanh Hưng		Xã Thanh Hưng					14.900	14.900			13.300					
33	Trường MN Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	C	Xã Noong Hẹt			Xây mới nhà lớp học 8 phòng, Khu nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp và các hạng mục phụ trợ		14.600	14.600			14.600					
34	TH&THCS Hermann	C	Thanh Trường					14.900	14.900			14.900					
35	Nâng cấp cải tạo Trường Mầm Non xã Nà Tấu							14.900	14.900			14.900					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
36	Nâng cấp cải tạo Trường Mầm Non xã Nà Nhạn							14.900	14.900			14.900			
37	Xây dựng nhà nội trú học sinh, sinh viên và hạng mục phụ trợ trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	C	TP ĐBP					29.000	29.000			29.000			
39	NC, mở rộng trường Mầm non thị trấn Điện Biên Đông	C	thị trấn Điện Biên Đông			27 phòng học các công trình phụ trợ và thiết bị dạy học khác		14.500	14.500			14.500			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	C	TP. Điện Biên Phủ	2028	2030	Xây mới bể bơi, giải phóng mặt bằng mở rộng diện tích 7.000m2; đường lên trường và các mục phụ trợ khác		25.000	25.000			10.000			
2	Xây mới trường PTDTBT THCS Tia Dình, xã Tia Dình	C	xã Tia Dình			22 phòng học, 20 phòng nội trú và các hạng mục khác		44.000	44.000			12.500			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Đầu tư xây dựng trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà	C	H. Điện Biên	2028	2030	Kê và các hạng mục phụ trợ		14.000	14.000						
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	C					2111/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	12.380	12.380	4.300	4.300	8.080			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Dự án Xây dựng khu thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao cho Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN	C	H. Điện Biên					30.000	30.000						

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên	C						19.382	10.000	1.000	1.000	9.000			
2	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường)	C						40.398	20.398	1.000	1.000	19.398			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Xây dựng khu xử lý nước thải sinh hoạt khu trung tâm huyện lỵ và các tuyến đường trục xã, ngõ xóm xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	C				Xây dựng 02 khu xử lý nước thải		35.000	35.000						
2	Xây dựng khu xử lý chất thải y tế và chất thải nguy hại	C	Xã Thanh An			Xây dựng 02 khu xử lý		20.000	20.000						
3	Đầu tư xây dựng bãi xử lý rác thải TX Mường Lay giai đoạn II	C	Phường Sông Đà					16.000	16.000						
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế														
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng công trình Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản	C	huyện Điện Biên					45.000	45.000			45.000			
2	Thủy lợi bản Na Sang 1, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên							14.800	14.800			14.800			
3	Sửa chữa, nâng cấp 13 công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý	C	Các huyện					58.700	58.700			58.700			
4	Hệ thống kê chống sạt lở và bảo vệ đất nông nghiệp xã Ảng Nua và Xã Mường Đăng		Huyện Mường Ảng					25.000	25.000			17.500			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Kênh tiêu từ đập tràn bản On đến sông Nậm Rốm; kênh tiêu từ cống Bà Mị đến sông Nậm Rốm xã Noong Luông, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Yên			Kênh tiêu từ đập tràn bản On đến sông Nậm Rốm có chiều dài L=850m; h=3,5-4m; Kênh tiêu từ cống bà Mị đến sông Nậm Rốm có chiều dài L=1200m, h=3-3,5m; kết cấu BT		60.000	60.000			17.000			
2	Thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nua, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi) (giai đoạn III)		Huyện ĐB					55.000	55.000			40.050			
3	Kè chống sạt lở khu vực bản Mường Luân 1, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					40.000	40.000			10.000			
4	Kè chống sạt lở khu vực dân cư bản Pá Nậm A, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					40.000	40.000			10.000			
5	Kè suối bản Na Ten, Na Hỷ, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên		Huyện ĐB					30.900	30.900			10.000			
6	Kè khu dân cư và đất sản xuất tổ 4, thị trấn Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					70.000	70.000			12.900			
7	Kè bảo vệ khu dân cư bản Đoàn Kết, xã Chung Chải, huyện Mường Nhé							60.000	60.000						
8	Dự án sắp xếp điểm dân cư tập trung cho bản Huổi Lấp, xã Quảng Lâm	C	Mường Nhé					40.000	40.000						
9	Khu TĐC bản Hát Tao xã Na Tông, huyện Điện Biên	C	Xã Na Tông			Dự kiến TĐC cho 37 hộ dân bản Hát Tao, chính trị đồng tuổi L=400m, san nền mặt bằng khoảng 4ha		45.000	45.000						
10	Kênh tiêu từ thôn 3+4 đến sông Nậm Rốm, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	C	Xã Pom Lót			Tiêu 178 ha (gồm 3 tuyến: từ QL 279 đến nhà ông Hiện 450 tiêu 42ha; từ kênh cấp II đến nhà ông Hiện 900, tiêu 136ha; từ nhà ông Hiện đến sông Nậm Rốm 300, tiêu 178ha) Kênh tiêu kết hợp kè tiêu có (bxh)=(1,5x1,5 -> 2x2)m, L=1.650m; kết cấu BT, BTCT		25.000	25.000						
11	Kè chống sạt lở đất sản xuất bản Nậm Hẹ 1 xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	C	Xã Hẹ Muông			Tuyến kè chống sạt lở L=3,2 km. Hình thức kè bản chống. Kết cấu BTCT, cao 1,5-2m;		28.000	28.000						
12	Kè chống sạt lở khu sản xuất và khu dân cư bản Cò Chạy 1+2 xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	C	Xã Mường Pồn			Chiều dài 2,000 m, cao 2,5m, tổng diện tích tưới 4 ha.		20.000	20.000						

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Hệ thống điện chiếu sáng khu Trung tâm huyện lỵ và trục xã, ngõ xóm xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	C				Hệ thống điện chiếu sáng		35.000	35.000						
10.3	Giao thông														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP	C						25.000	25.000	1.000	1.000	24.000			
2	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé	B						115.000	115.000	5.850	5.850	109.150			
3	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xà Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà	C						39.500	39.500	3.000	3.000	36.500			
4	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C						35.000	35.000	19.900	10.000	15.100			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Đường giao thông bản Háng Mùa Lừ kết nối với trục đường đến trung tâm xã Sá Tổng, huyện Mường Chà							50.000	45.000			45.000			
2	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pó - bản Huổi Hạ, xã Na Sang		Xã Na Sang					14.900	11.900			11.900			
3	Dự án đầu tư nâng cấp đường liên bản Huổi Khương – Huổi Đạo, xã Vàng Đán							50.000	40.000			40.000			

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX																
(11)	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm kiểm soát liên hợp của khẩu Huổi Púoc							14.950	14.950			14.950					
2	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	C						14.600	14.600	500	500	14.100					
3	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	C						10.000	10.000	500	500	9.500					
4	Dự án: Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình huyện Điện Biên							11.000	8.000			8.000					
5	Trụ sở xã và nhà văn hoá, thể thao xã Na Tông, huyện Điện Biên	C	Xã Na Tông			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng, nhà văn hoá, thể thao		15.000	10.000			10.000					
6	Trụ sở xã Phu Luông	C	Xã Phu Luông			01 nhà làm việc cấp III, 3 tầng, nhà văn hoá thể thao và các hạng mục phụ trợ		10.000	8.000			8.000					
7	Trụ sở xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên và các hạng mục phụ trợ	C	Xã Hẹ Muông			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ		10.000	10.000			9.000					
8	Trụ sở xã Pom Lót, huyện Điện Biên và các hạng mục phụ trợ	C	Xã Pom Lót			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ		10.000	10.000			9.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
C	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT																
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	C				Sửa chữa nhà BGH, nhà đa năng; 30 phòng học, nhà lớp học bộ môn, nhà cầu, nhà bảo vệ và HM phụ trợ	2146/QĐ-UBND 25/12/2023	14.986	14.986	13.500	13.500	1.486					
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C					1071/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	14.950	14.950	13.500	13.500	1.450					
3	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất THPT Mùn Chung, huyện Tuần Giáo	C	H. Tuần Giáo	2026	2028	Xây mới Nhà ăn, nhà đa năng, phòng học; sửa chữa 06 phòng công vụ giáo viên, 10 phòng ở nội cho học sinh, 200m kè đá, tường rào, công trình phụ trợ		25.000	25.000	100	100	24.900					

